

TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC QUÂN KHU 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HS-ST
Ngày 16-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 9

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3// Đặng Đức Huyền.

Các Hội thẩm quân nhân:

2// Mai Thành Trung;

2// Nguyễn Trọng Ân.

- Thư ký phiên tòa: 1// Nguyễn Thị Kim Phượng, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 93 tham gia phiên tòa: 2// Trần Thanh Tấn, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024 tại Phòng xử án Tòa án quân sự Quân khu 9, Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 9 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Quốc K, sinh ngày 01 tháng 4 năm 1983 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: 4/ QN, Nhân viên báo vụ, Thông tin, Phòng Tham mưu, Bộ (CHQS) tỉnh Đồng Tháp; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh H (đã chết) và bà Nguyễn Thị X; có vợ là Lê Thị T; chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; hiện đang tại ngoại; có mặt.

- Bị hại:

1. Nguyễn Thị S, sinh ngày 16/10/1952; nơi cư trú: Tổ A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. Nguyễn Thành P, sinh ngày 01/01/1953; nơi cư trú: Tổ A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (đã chết ngày 07/11/2023).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Nguyễn Thị D, sinh ngày 01/5/1982; nơi cư trú: Số G, khu vực Bình Pháo A, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ; là con ruột của Nguyễn Thành P; có mặt.

- *Bị đơn dân sự*: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đ có ông Hồ Sỹ S1, cấp bậc: 3//, chức vụ: Phó TM, đơn vị: Bộ CHQS tỉnh Đ - là đại diện theo uỷ quyền được CHT uỷ quyền theo Giấy uỷ quyền số 530/GUQ-BCH ngày 04 tháng 03 năm 2024; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Nguyễn Quốc T1; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 07/11/2023, Trần Quốc K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) KK-419 lưu thông trên Quốc lộ H (hướng từ thành phố S đi thành phố V) để giao nhận công văn. Khi đến đoạn Km 05+830 thuộc địa phận ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, K cho xe tăng tốc vượt qua xe mô tô BKS 66C1-659.13 do ông Nguyễn Thành P điều khiển, phía sau chở bà Nguyễn Thị S đang lưu thông phía trước cùng chiều. Khi xe của K đang vượt song song bên trái xe mô tô của ông P thì cùng lúc này, từ hướng ngược chiều có xe ô tô khách do anh Nguyễn Quốc T1 điều khiển cũng đang vượt xe khác, lấn sang phần đường của xe K1 cũng di chuyển vừa tới. Để tránh va chạm với xe ô tô khách, K liền đánh lái về bên phải trước đầu xe mô tô BKS 66C1-659.13 nên đã xảy ra va chạm với xe ông P làm cho ông P, bà S bị ngã xuống đường; xe mô tô của K không ngã mà tiếp tục di chuyển về phía trước được một đoạn thì dừng lại. Sau đó K gọi điện thoại trình báo cơ quan chức năng, cùng người dân đưa ông P đi cấp cứu, rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô BKS KK-419 đi về hướng thành phố V để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ.

Hậu quả: Ông Nguyễn Thành P bị thương nặng và chết lúc 16 giờ 45 phút ngày 07/11/2023 tại bệnh viện C; bà Nguyễn Thị S bị tổn thương cơ thể là 5%; xe mô tô BKS KK-419 và xe mô tô BKS 66C1-659.13 hư hỏng.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Quốc K khai: Sáng ngày 07/11/2023, bị cáo được giao nhiệm vụ đi giao, nhận công văn. Bị cáo điều khiển xe mô tô BKS KK-419 lưu thông trên Quốc lộ H. Khi đến đoạn Km 05+830 thuộc địa phận ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo tăng tốc độ để vượt xe mô tô chạy cùng chiều phía trước, thì cùng lúc này có một xe ô tô chở khách chạy hướng ngược lại lấn sang phần đường dành cho xe bị cáo nên bị cáo đánh tay lái về bên phải làm va chạm với xe mô tô 66C1-659.13 do ông Nguyễn Thành P điều khiển chở theo sau bà Nguyễn Thị S. Va chạm làm ông P và bà S ngã xuống đường, còn xe của bị cáo chạy thêm 7 đến 8 mét nữa thì dừng lại. Bị cáo cùng người dân đỡ ông P và bà S dậy rồi nhờ xe của người dân chạy đến chở ông P đi cấp cứu, sau đó bị cáo được thông báo là ông P đã chết tại Bệnh viện C. Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo đã bồi thường cho gia đình ông P tổng số tiền là 100.000.000 đồng, cho bà Nguyễn Thị S số tiền là

5.000.000 đồng.

Bị hại Nguyễn Thị S khai tại cơ quan điều tra: Sáng ngày 07/11/2023, tôi có nhờ ông P chở tôi đi chợ, khi đến đoạn đường tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, tôi nhìn thấy phía bên trái xe ông P một xe mô tô vượt lên rồi bất ngờ lách về bên phải xảy ra va chạm ngay phía trước đầu xe của ông P làm tôi và ông P ngã xuống đường. Tôi bị trầy xước phần đầu gối xuống bàn chân, còn ông P bất tỉnh, miệng ra nhiều máu, bị cáo dừng xe cùng người dân gọi xe đưa ông P đi cấp cứu. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã bồi thường cho tôi tổng số tiền là 5.000.000 đồng. Tôi không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm và xin miễn trách nhiệm hình sự (TNHS) cho bị cáo.

Người làm chứng Nguyễn Quốc T1 khai: Khoảng 7 giờ 39 phút ngày 07/11/2023, tôi điều khiển xe ô tô BKS 51B-289.03 đi trên Quốc lộ H, khi đến đoạn đường thuộc xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp tôi quan sát phía trước ngược chiều có khoảng 03 xe mô tô đi tới, thấy có thể vượt được nên tôi mở tín hiệu đèn xin vượt và đánh lái xe sang hoàn toàn phần đường bên trái rồi tăng tốc độ vượt qua các xe cùng chiều. Sau khi vượt qua, tôi qua sát qua gương chiếu hậu bên trái, bên phải xác định an toàn đối với các xe phía sau thì tôi mới chuyển hướng trở về phần đường của mình.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thành P là bà Nguyễn Thị D khai: Sau khi tai nạn xảy ra, gia đình tôi có thỏa thuận với bị cáo về số tiền bồi thường; theo đó, bị cáo đã bồi thường cho gia đình tôi tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Tôi không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm và xin miễn TNHS cho bị cáo.

Đại diện bị đơn dân sự, ông Hồ Sỹ S1 khai: Sau tai nạn xảy ra, đơn vị có cùng với bị cáo thỏa thuận bồi thường xong cho các bị hại. Về xe mô tô BKS KK-419 gây tai nạn là tài sản thuộc sở hữu của Bộ CHQS tỉnh Đ bị hư hỏng theo kết quả định giá là 50.000 đồng. Bị cáo đã chi trả số tiền sửa xe trên nên Bộ CHQS tỉnh Đ không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ có công văn số: 388/BHXXH-GĐYT ngày 26/3/2024 không yêu cầu bị cáo Trần Quốc K phải bồi hoàn lại chi phí điều trị cho bị hại Nguyễn Thị S số tiền 410.480 đồng, bị hại Nguyễn Thành P số tiền 4.023.712 đồng.

Tại Biên bản dựng lại hiện trường do Công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp lập vào lúc 10 giờ 40 phút ngày 08/11/2023 ghi nhận: Nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, được trải nhựa bằng phẳng, có vạch kẻ phân chia phần đường, chiều rộng mặt đường là 11 mét. Lấy mép đường bên phải Quốc lộ H hướng thành phố S đi thành phố V làm mép đường chuẩn. Xác định vùng va chạm có kích thước (0.6x0.6) mét, tâm đo vào mép đường chuẩn là 1.4 mét. Xe mô tô 66C1-659.13 sau tai nạn ngã nghiêng bên trái nằm trên đường, tạo trên mặt đường vết cày không liên tục có chiều dài 9.65 mét.

Kết quả khám nghiệm các phương tiện ngày 08/11/2023 ghi nhận: Xe mô tô BKS KK-419 góc dưới bên phải biển số xe bị cong về trước, trầy xước bong tróc

son quanh chữ số 9; mặt ngoài bên phải đuôi dè chắn bùn bánh sau xe bị trầy xước. Xe mô tô BKS 66C1-659.13 đầu gác chân người điều khiển bên trái bị cong về sau và trầy xước; mặt ngoài bên trái lớp xe trước có vết trượt; chắn bùn bánh xe trước bị trầy xước.

Kết luận giám định số 1418/KL-KTHS ngày 25/12/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Đ kết luận: Hệ thống dấu vết trượt xước ở đầu chắn bùn trước bên trái, lớp xe bánh trước bên trái của xe mô tô BKS 66C1-659.13 phù hợp với hệ thống dấu vết trượt xước, cong về trước ở biển số, dè chắn bùn sau bên phải của xe mô tô BKS KK-419. Vị trí va chạm giữa xe mô tô BKS 66C1-659.13 với xe mô tô BKS KK-419 trên mặt đường là ở trước vết cày ký hiệu số 1, thuộc phần đường bên phải (theo hướng thành phố S đi thành phố V). Không xác định được dấu vết va chạm giữa xe ô tô khách BKS 51B-289.03 với xe mô tô BKS 66C1-659.13, với xe mô tô BKS KK-419 và với ông Nguyễn Thành P.

Kết luận giám định tử thi số 09/KLGĐTT-TTPYĐT ngày 16/11/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ kết luận: ông Nguyễn Thành P chết do chấn thương sọ não nặng.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 89/KLTTCT-TTPYĐT ngày 25/01/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị S tại thời điểm giám định là 05%.

Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 27/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp kết luận: Tổng giá trị thiệt hại của xe mô tô 66C1-659.13 do vụ tai nạn giao thông ngày 07/11/2023 gây ra là 640.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKSKV93 ngày 13/5/2024 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 93 truy tố bị cáo Trần Quốc K về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố. Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân, điều kiện phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị:

Về hình sự: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 35 BLHS: xử phạt bị cáo Trần Quốc K số tiền từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 584, 585; 586 Điều 590, 591 và khoản 2 Điều 601 Bộ luật Dân sự, ghi nhận đơn vị và bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận và bồi thường xong cho người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thành P số tiền 100.000.000 đồng; cho bị hại Nguyễn Thị S số tiền 5.000.000 đồng.

Ghi nhận Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Tháp không yêu cầu bị cáo Trần Quốc K phải bồi hoàn lại chi phí điều trị cho bị hại Nguyễn Thị S số tiền 410.480 đồng, bị

hại Nguyễn Thành P số tiền 4.023.712 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, ghi nhận Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 2 - Quân khu I đã trả lại một xe ô tô BKS 51B-289.03 cho Công ty Cổ phần X1; trả lại một xe mô tô BKS KK-419 cho Bộ CHQS tỉnh Đ; trả lại một xe mô tô BKS 66C1-659.13 cho người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thành P đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Luật phí và lệ phí năm 2015.

Bị cáo đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng, không có ý kiến tranh luận.

Bà Nguyễn Thị D và ông Hồ Sỹ S1 không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng, bị cáo ăn năn, hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 2, Quân khu I, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự Khu vực 93, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở khẳng định các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các chứng cứ, tài liệu khác đã được thẩm tra công khai, làm rõ. Theo đó, có đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo điều khiển xe mô tô BKS KK-419 lưu thông trên đường nhưng do chủ quan, thiếu chú ý quan sát, vượt xe cùng chiều không bảo đảm an toàn nên đã gây tai nạn làm ông Nguyễn Thành P chết, bà Nguyễn Thị S bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 05%, xe mô tô BKS 66C1-659.13 thiệt hại được định giá là 640.000 đồng. Hành vi vượt xe không bảo đảm an toàn của bị cáo đã vi phạm khoản 2 Điều 14 Luật Giao thông đường bộ, đây là nguyên nhân chính dẫn đến vụ tai nạn. Khi thực hiện hành vi, bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo điểm a khoản 1 Điều 260 BLHS. Vì vậy, Cáo

trạng của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 93 truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến an toàn, hoạt động bình thường của các phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà còn gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra để có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

Trong vụ án này, bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường xong thiệt hại, quá trình công tác bị cáo được tặng Huy Chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Nhì, Ba và nhiều giấy khen khác, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, bị cáo còn được bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại xin miễn TNHS, đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS mà bị cáo được hưởng quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi làm việc ổn định, bản thân bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của đơn vị và thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao. Để tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục phục vụ, cống hiến lâu dài trong Quân đội, HĐXX xét thấy chỉ cần áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 35 BLHS, xử phạt bị cáo bằng hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đề nghị của Kiểm sát viên về các tình tiết giảm nhẹ TNHS và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 các Điều 584, 585, 686, Điều 590, 591 và khoản 2 Điều 601 Bộ luật Dân sự, buộc đơn vị và bị cáo Trần Quốc K phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị S, Nguyễn Thành P và bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ. Ghi nhận bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận và bồi thường xong cho người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thành P số tiền 100.000.000 đồng; cho bị hại Nguyễn Thị S số tiền 5.000.000 đồng.

Đối với số tiền 4.023.712 đồng điều trị cho ông Nguyễn Thành P, số tiền 410.480 đồng điều trị cho bà Nguyễn Thị S, Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Tháp không yêu cầu bị cáo hoàn trả nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện bị đơn dân sự là ông Hồ Sỹ S1 không yêu cầu gì, nên HĐXX không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, ghi nhận Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 2, Quân khu 9 đã trả lại: một xe ô tô BKS 51B-289.03 cho Công ty Cổ phần X1; một xe mô tô BKS KK-419 cho Bộ CHQS tỉnh Đ; xe mô tô BKS 66C1-659.13 cho người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thành P đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Quốc K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc K phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Quốc K số tiền là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Ghi nhận bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận và bồi thường xong cho người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Nguyễn Thị D số tiền 100.000.000 đồng; cho bị hại Nguyễn Thị S số tiền 5.000.000 đồng.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Trần Quốc K phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/7/2024) đối với bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, bị đơn dân sự và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 9./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSQSQK9;
- VKSQSKV93;
- Cơ quan ĐTHSKV2;
- Cơ quan THAHSQK9;
- Phòng THAQK9;

(Đã ký)

- Bị cáo;
- Bị hại; đại diện hợp pháp của bị hại;
- Bị đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu HS, THA.

3// Đặng Đức Huyền